

Bản án số: 237/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh,

Ông Nguyễn Thành Thông.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phương T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 17 Đường T, Tổ dân phố B, Khu phố N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Cheng Kong L, sinh năm 1985, quốc tịch: Anh.

Địa chỉ: Glasgow, Anh (G12 0DS).

(Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn là ông Nguyễn Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Cheng Kong L tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 23/12/2008, vào Sổ đăng ký kết hôn số 4038, quyển số 14, ngày 25/12/2008 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà Cheng Kong L thường xuyên ở nước ngoài nên từ lâu giữa ông và bà Cheng Kong L không còn cuộc sống vợ chồng. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Cheng Kong L.

Về con chung: Ông và bà Cheng Kong L có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Phương - L, sinh ngày 31/10/2008 (Giới tính: Nữ). Ông đề nghị bà Cheng Kong L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng, ông và bà Cheng Kong L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Cheng Kong L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Cheng Kong L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai đã được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Hà Đăng Tiến, Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn là bà Cheng Kong L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phương T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 23/12/2008, vào Sổ đăng ký kết hôn số 4038, quyển số 14, ngày 25/12/2008 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Phương T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Phương T có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Phương - L, sinh ngày 31/10/2008 (Giới tính: Nữ). Bà và ông Nguyễn Phương T thỏa thuận bà là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng, bà và ông Nguyễn Phương T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Phương T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Phương T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Phương T và bị đơn là bà Cheng Kong L đều có đề nghị xét xử vắng mặt bằng văn bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 10/10/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận Đơn khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn Phương T, yêu cầu xem xét, giải quyết cho ông Nguyễn Phương T được ly hôn với bà Cheng Kong L. Do bà Cheng Kong L đang cư trú tại địa chỉ: Glasgow, Anh (G12 0DS), nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Nguyễn Phương T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phương T và bị đơn bà Cheng Kong L đều có đề nghị xét xử vắng mặt bằng văn bản, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai của ông Nguyễn Phương T và Bản tự khai (đã được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Hà Đăng Tiến, Thành phố Hồ Chí Minh) của bà Cheng Kong L, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn, nên có cơ sở để xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L đã không đạt được. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L.

Về con chung: Ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Phương - L, sinh ngày 31/10/2008 (Giới tính: Nữ). Trẻ Nguyễn Phương - L có văn bản trình bày về nguyện vọng của trẻ được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L về việc bà Cheng Kong L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng, ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L đều xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phương T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L chấm dứt, Giấy chứng nhận kết

hôn ký ngày 23/12/2008, vào Sổ đăng ký kết hôn số 4038, quyển số 14, ngày 25/12/2008 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Phương T và bà Cheng Kong L không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc giao con chung tên Nguyễn Phương - L, sinh ngày 31/10/2008 (Giới tính: Nữ) cho bà Cheng Kong L được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Phương T do bà Cheng Kong L không yêu cầu.

Ông Nguyễn Phương T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Bà Cheng Kong L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con, nếu ông Nguyễn Phương T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan Quản lý Nhà Nước về Gia đình; Cơ quan Quản lý Nhà Nước về Trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự hai bên đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự hai bên đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phương T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Phương T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003230 ngày 18/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Phương T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phương T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Nguyễn Phương T là 15 ngày, kể từ ngày ông Nguyễn Phương T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Cheng Kong L vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Cheng Kong L là 01 tháng, kể từ ngày bà Cheng Kong L, hoặc người đại diện theo ủy quyền của bà Cheng Kong L được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh